

Số: 380/QĐ-CDNH

Hà Nội, ngày 12 tháng 1 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chế độ báo cáo và công tác thống kê
đối với các cấp công đoàn trong hệ thống Công đoàn Ngân hàng Việt Nam**

BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN NGÂN HÀNG VIỆT NAM

- Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-CDNH, ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Công đoàn Ngân hàng Việt Nam về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Thường vụ Công đoàn Ngân hàng Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TLĐ, ngày 19/8/2011 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Quy định về chế độ báo cáo của các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn tổng công ty và các Ban, đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn;
- Căn cứ Quyết định số 1073/QĐ-TLĐ, ngày 28/7/2020 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác thống kê của tổ chức công đoàn ban hành kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-TLĐ ngày 28/11/2014;
- Căn cứ việc triển khai, thực hiện chế độ báo cáo và công tác thống kê của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, công đoàn cơ sở trực thuộc CDNHVN và đại diện Công đoàn Ngân hàng Việt Nam trên địa bàn các tỉnh, thành phố;
- Theo đề nghị của Văn phòng và Ban Tổ chức Công đoàn Ngân hàng Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định về chế độ báo cáo và công tác thống kê đối với các cấp công đoàn trong hệ thống Công đoàn Ngân hàng Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 82/QĐ - CDNH ngày 24/4/2015 của Ban Thường vụ Công đoàn Ngân hàng Việt Nam về việc ban hành Quy định về chế độ báo cáo và công tác thống kê đối với các cấp công đoàn trong hệ thống Công đoàn Ngân hàng Việt Nam.

Điều 3. Các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Ngân hàng Việt Nam và đại diện Công đoàn Ngân hàng Việt Nam trên địa bàn tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *JK*

Nơi nhận: *JK*

- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (B/cáo);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch CĐNHVN (để chỉ đạo);
- Các Ban nghiệp vụ CĐNHVN (để phối hợp);
- Lưu: VT, VP

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Văn Tân

QUY ĐỊNH

Về chế độ báo cáo và công tác thống kê đối với các cấp công đoàn
trong hệ thống Công đoàn Ngân hàng Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-CDNH ngày 12/10/2020
của Ban Thường vụ Công đoàn Ngân hàng Việt Nam)

Phần thứ Nhất

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

I. ĐỐI TƯỢNG, THỂ LOẠI BÁO CÁO.

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

- Các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Ngân hàng Việt Nam.

- Đại diện Công đoàn Ngân hàng Việt Nam trên địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Thể loại báo cáo:

2.1. Báo cáo định kỳ: Báo cáo tháng, báo cáo quý, báo cáo 6 tháng đầu năm, báo cáo năm. Trong đó:

+ Báo cáo tháng 3 được lồng ghép vào báo cáo quý I;

+ Báo cáo tháng 6 được lồng ghép vào báo cáo 6 tháng đầu năm;

+ Báo cáo tháng 9 được lồng ghép vào báo cáo quý III;

+ Báo cáo tháng 12 được lồng ghép vào báo cáo năm.

- *Đối với các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:* Thực hiện đầy đủ báo cáo định kỳ.

- *Đối với CĐCS trực thuộc Công đoàn Ngân hàng Việt Nam:* Chỉ báo cáo Quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm.

- *Đối với Đại diện Công đoàn NHVN trên địa bàn tỉnh, thành phố:* Báo cáo định kỳ 6 tháng và báo cáo năm nhưng được kết cấu thành một mục trong báo cáo của CĐCS Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, TP (không cần phải có báo cáo riêng), nhưng vẫn phản ánh đầy đủ thông tin, số liệu và các hoạt động nổi bật của Đại diện.

2.2. Báo cáo chuyên đề: Các chuyên đề liên quan đến hoạt động như (Nữ công, Tuyên giáo, Thi đua, Tổ chức, Tài chính....) thực hiện theo chỉ đạo của Công đoàn Ngân hàng Việt Nam.

2.3. Báo cáo số liệu thống kê: Tổng hợp số liệu theo biểu bảng thống kê do Công đoàn Ngân hàng Việt Nam yêu cầu.

2.4. Báo cáo đột xuất: Những vấn đề cần báo cáo hoặc theo yêu cầu của Công đoàn Ngân hàng Việt Nam.

II. THỜI GIAN BÁO CÁO

- **Báo cáo tháng:** Gửi về Công đoàn Ngân hàng Việt Nam trước ngày 20 hàng tháng.

- **Báo cáo quý I và quý III:** Gửi về trước ngày 20 tháng cuối quý.

- **Báo cáo 6 tháng đầu năm:** Gửi về trước ngày 15/6.

- **Báo cáo cả năm:** Gửi báo cáo về trước ngày 15/12.

- **Báo cáo chuyên đề:** Gửi ngay sau khi kết thúc công việc đã được thực hiện hoặc theo thời hạn ghi trong văn bản yêu cầu báo cáo.

Thời hạn gửi báo cáo 6 tháng đầu năm và báo cáo năm có thể điều chỉnh sớm hơn do yêu cầu của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và căn cứ thời gian tổ chức Hội nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Công đoàn NHVN, Văn phòng Công đoàn NHVN sẽ có hướng dẫn trong các trường hợp cụ thể.

III. NỘI DUNG BÁO CÁO

1. Báo cáo tháng: Nội dung báo cáo cần ngắn gọn, phản ánh các hoạt động nổi bật của công đoàn trong tháng, khoảng 1 trang A4, có số liệu cụ thể.

2. Báo cáo quý: Nêu ngắn gọn các hoạt động trên các mặt công tác trong Quý, khoảng 3 trang A4 và có số liệu chứng minh trong báo cáo.

3. Báo cáo 6 tháng đầu năm và báo cáo năm

- Báo cáo cần đánh giá tổng quát, toàn diện tình hình công nhân, viên chức, lao động và kết quả lãnh đạo, chỉ đạo về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công tác công đoàn các cấp.

- Tình hình thực hiện nghị quyết, chương trình công tác, kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm và cả năm; nêu rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân; đề ra những nhiệm vụ, giải pháp cho thời gian tiếp theo.

- Các kiến nghị đề xuất (nếu có).

4. Báo cáo chuyên đề:

- Kết quả nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu phục vụ các nội dung, đề án trình hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Công đoàn.

- Kết quả các cuộc khảo sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, kết luận... của Ban Chấp hành công đoàn các cấp, Ban Thường vụ Công đoàn; những nội dung chỉ đạo làm thí điểm, xây dựng mô hình hoặc các cuộc điều tra, nghiên cứu tình hình thực tế về những vấn đề lớn thuộc trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện của công đoàn.

- Kết quả nghiên cứu và ứng dụng đề tài sáng kiến, khoa học.

5. Báo cáo số liệu thống kê:

Báo cáo số liệu thống kê về tổ chức và kết quả hoạt động công đoàn theo quy định của Tổng Liên đoàn và Công đoàn Ngân hàng Việt Nam. Báo cáo số liệu thống kê áp dụng cho báo cáo 6 tháng và báo cáo năm.

6. Báo cáo đột xuất và các báo cáo khác:

- Quy chế làm việc, chương trình công tác, Nghị quyết... của các cấp Công đoàn.

- Những vấn đề phức tạp, nhạy cảm, những sự việc xảy ra cần xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Ban Thường vụ, Thường trực Công đoàn Ngân hàng Việt Nam.
- Các quyết định quan trọng về tổ chức, nhân sự liên quan đến tổ chức, cán bộ công đoàn tại đơn vị.
- Những nội dung khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ và Thường trực Công đoàn Ngân hàng Việt Nam.

Phần thứ Hai

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC THỐNG KÊ ĐỐI VỚI CÁC CẤP CÔNG ĐOÀN

I. ĐỐI TƯỢNG, THỂ LOẠI THỐNG KÊ

1. Đối tượng thực hiện báo cáo thống kê:

- Các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Ngân hàng Việt Nam.
- Các Ban nghiệp vụ Công đoàn Ngân hàng Việt Nam.

2. Thể loại báo cáo thống kê:

- Báo cáo thống kê định kỳ về hoạt động công đoàn;
- Báo cáo thống kê định kỳ về công tác tổ chức;
- Báo cáo thống kê khác.

II. NGUYÊN TẮC THỐNG KÊ

1. Đảm bảo tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời trong việc thu thập, tổng hợp, báo cáo, cung cấp số liệu thống kê.
2. Các cấp công đoàn chịu trách nhiệm thu thập, lưu trữ tập trung hệ thống số liệu thống kê của cấp mình qua các năm; quản lý việc sử dụng số liệu thống kê, đảm bảo việc công bố, xuất bản, sử dụng các số liệu thống kê theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và Tổng Liên đoàn.
3. Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ và đoàn viên công đoàn, các tổ chức, cá nhân khác có thể tiếp cận khai thác, sử dụng số liệu thống kê. Những thông tin thống kê về từng tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng cho mục đích tổng hợp thống kê, không được sử dụng cho các mục đích khác.

III. THỰC HIỆN BÁO CÁO THỐNG KÊ

1. Báo cáo thống kê định kỳ về hoạt động công đoàn:

- Báo cáo thống kê 6 tháng đầu năm và báo cáo cả năm đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thực hiện theo **Mẫu 1 – VP - CĐCTTTCS**; đối Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Ngân hàng Việt Nam thực hiện theo **Mẫu 2 - VP - CĐCS** (Có biểu mẫu đính kèm).

- Thời gian thống kê số liệu đưa vào báo cáo: tính đến 31/5 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và 30/11 đối với báo cáo cả năm.

- Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 10/6 đối với báo cáo thống kê 6 tháng đầu năm và trước ngày 10/12 đối với báo cáo thống kê cả năm.

- Gửi bản mềm về địa chỉ hòm thư của Văn phòng Công đoàn NHVN:
vanphongcdnh@gmail.com.

2. Báo cáo thống kê định kỳ về công tác tổ chức:

2.1. Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:

2.1.1. Báo cáo chất lượng Chủ tịch, Phó Chủ tịch: Mẫu 1 - ToC

- Số liệu báo cáo tính đến 31/12 hàng năm.
- Thời điểm gửi báo cáo trước 25/02 năm sau.

2.1.2. Báo cáo chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn: Mẫu 2 - ToC

- Số liệu báo cáo tính đến 30/11 năm báo cáo.
- Thời điểm gửi báo cáo trước 10/12 năm báo cáo.

2.1.3. Báo cáo số liệu đoàn viên: Mẫu 3 - ToC

- Báo cáo 6 tháng chốt số liệu đến 30/5 và gửi về Công đoàn NHVN trước 10/6 năm báo cáo.

- Báo cáo năm chốt số liệu đến 30/11 và gửi về Công đoàn NHVN trước 10/12 năm báo cáo.

2.1.4. Báo cáo thống kê tổ chức, biên chế: Mẫu 4 - ToC

- Số liệu báo cáo tính đến 31/12 hàng năm.
- Thời điểm gửi báo cáo trước 25/02 năm sau.

2.1.5. Báo cáo kết quả đào tạo (Mẫu ĐT 1 - ToC), Báo cáo kế hoạch đào tạo (Mẫu ĐT 2 - ToC)

- Số liệu báo cáo tính đến 15/11 hàng năm.
- Thời điểm gửi báo cáo trước 25/11 hàng năm.

2.1.6. Báo cáo khác:

- Báo cáo xếp loại công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở: Thực hiện theo Hướng dẫn 727/HD-CDNH ngày 08/10/2019.

- Báo cáo xếp loại công đoàn cơ sở: Thực hiện theo Hướng dẫn 728/HD-CDNH ngày 08/10/2019.

- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”: Thực hiện theo Hướng dẫn 122/HD-CDNH ngày 30/3/2015, thời điểm gửi hồ sơ trước 30/5 hàng năm.

2.2. Đối với công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn NHVN:

2.2.1. Báo cáo chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn: Mẫu 5 - ToC

- Số liệu báo cáo tính đến 30/11 năm báo cáo.
- Thời điểm gửi báo cáo trước 10/12 năm báo cáo.

2.2.2. Báo cáo số liệu đoàn viên: Mẫu 6 - ToC

- Báo cáo 6 tháng chốt số liệu đến 30/5 và gửi về Công đoàn NHVN trước 10/6 năm báo cáo.
- Báo cáo năm chốt số liệu đến 30/11 và gửi về Công đoàn NHVN trước 10/12 năm báo cáo.

2.2.3. Báo cáo kết quả đào tạo (Mẫu ĐT 1 - ToC), Báo cáo kế hoạch đào tạo (Mẫu ĐT 2 - ToC)

- Số liệu báo cáo tính đến 15/11 hàng năm.
- Thời điểm gửi báo cáo trước 25/11 hàng năm.

2.2.4. Báo cáo khác:

- Báo cáo xếp loại công đoàn cơ sở: Thực hiện theo Hướng dẫn 728/HD-CDNH ngày 08/10/2019.
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”: Thực hiện theo Hướng dẫn 122/HD-CDNH ngày 30/3/2015, thời điểm gửi hồ sơ trước 30/5 hàng năm.

* **Lưu ý:** Ngoài hồ sơ xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”, các báo cáo còn lại gửi bản mềm về địa chỉ hòm thư của Ban Tổ chức Công đoàn NHVN: cdnhvn.btc@gmail.com.

Phần thứ Ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐỐI VỚI CÔNG ĐOÀN NGÂN HÀNG VIỆT NAM

1. Xây dựng và cung cấp các mẫu báo cáo hàng tháng, Quý, 6 tháng và báo cáo năm cũng như các biểu thống kê đối với các cấp công đoàn căn cứ triển khai thực hiện.
2. Văn phòng Công đoàn Ngân hàng Việt Nam có trách nhiệm đôn đốc các cấp công đoàn thực hiện đầy đủ báo cáo tháng, quý, 6 tháng và báo cáo năm đảm bảo đúng thời gian quy định; theo dõi, tiếp nhận và tổng hợp danh sách các đơn vị thực hiện báo cáo để làm căn cứ để đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm đối với các đơn vị.
3. Đăng tải các Hướng dẫn, quy định, các biểu mẫu thống kê lên Website Công đoàn Ngân hàng Việt Nam (<http://vnubw.org.vn/>) để các cấp công đoàn tra cứu, tải biểu mẫu, triển khai thực hiện đạt kết quả.

II. ĐỐI VỚI CÁC CẤP CÔNG ĐOÀN TRONG HỆ THỐNG

1. Các cấp công đoàn thực hiện nghiêm túc các chế độ thông tin báo cáo, các biểu thống kê theo quy định nêu trên và chịu trách nhiệm với các thông tin trong báo cáo và số liệu thống kê gửi Công đoàn Ngân hàng Việt Nam.

2. Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các CĐCS trực thuộc thực hiện tốt công tác báo cáo, thống kê theo mẫu biểu để tổng hợp gửi về Công đoàn Ngân hàng Việt Nam theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cấp công đoàn phản ánh về Công đoàn Ngân hàng Việt Nam (qua Văn phòng và Ban Tổ chức) để cùng trao đổi giải quyết.

Ban Thường vụ Công đoàn Ngân hàng Việt Nam đề nghị các cấp công đoàn trong hệ thống và Đại diện Công đoàn Ngân hàng Việt Nam trên địa bàn tỉnh, thành phố căn cứ Quy định này để triển khai, thực hiện đạt kết quả. *th*

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Văn Tân

Đơn vị báo cáo :

MẪU SỐ 1-VP-CĐCTTCS
(Dùng cho công đoàn cấp trên
trực tiếp cơ sở)

BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

NĂM

(Số liệu tính đến ngày : 31/5 30/11)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Tình hình lao động				
1. Tiền lương				
1.	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động	đồng		
	- Số người được tính	người		
2.	Số đơn vị còn nợ lương người lao động	đơn vị		
	- Tỷ lệ so với tổng số đơn vị trong hệ thống	%		
3.	Tổng số tiền lương đơn vị còn nợ người lao động	triệu đồng		
2. Nhà ở				
4.	Số người được Nhà nước, cơ quan, doanh nghiệp bố trí nhà ở	người		
	- Tỷ lệ so với tổng số lao động			
5.	Số người phải tự thuê nhà ở	"		
	- Tỷ lệ so với tổng số lao động			
3. Thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp				
6.	Số lao động được ký hợp đồng lao động	người		
	- Tỷ lệ so với tổng số lao động	%		
7.	Số lao động được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	người		
	- Tỷ lệ so với tổng số lao động	%		
8.	Số đơn vị nợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	đơn vị		
	- Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%		
9.	Số tiền đơn vị nợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	triệu đồng		
4. Thực hiện quy chế dân chủ				
10.	Số đơn vị có thỏa ước lao động tập thể	đơn vị		
	- Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%		
11.	Số đơn vị đã tổ chức hội nghị người lao động	đơn vị		
12.	Số đơn vị đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc với người lao động	đơn vị		
	- Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%		
13.	Số đơn vị đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở	đơn vị		
	- Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%		
II. Chăm lo, bảo vệ lợi ích cho đoàn viên và người lao động				
14.	Số đoàn viên và người lao động được khám sức khỏe định kỳ	người		
15.	Số đoàn viên và người lao động bị xâm phạm về quyền, lợi ích được công đoàn bảo vệ	người		
16.	Số người được tư vấn pháp luật	người		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
17.	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	người		
	- Tỷ lệ so với tổng số lao động	%		
	- Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	triệu đồng		
III. Công tác thi đua				
1. Sáng kiến				
18.	Số đơn vị có sáng kiến	đơn vị		
	- Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%		
19.	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến		
20.	Giá trị làm lợi (ước tính)	triệu đồng		
21.	Tiền thưởng sáng kiến	"		
2. Công trình sản phẩm thi đua				
22.	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP		
23.	Giá trị công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	triệu đồng		
3. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"				
24.	Số người đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"	người		
	- Trong đó : nữ	"		
IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục				
25.	Số đoàn viên, người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, NQ của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các nghị quyết của Công đoàn	Lượt người		
26.	Số đoàn viên, người lao động được tham gia hoạt động văn hoá, thể thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức	"		
27.	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	"		
V. Công tác nữ công				
28.	Số công đoàn cơ sở có ban nữ công quần chúng	đơn vị		
	- Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%		
29.	Tổng số uỷ viên ban nữ công quần chúng	người		
30.	Tổ chức hoạt động chuyên đề về giới, hội thảo, tọa đàm về chế độ chính sách, pháp luật... đối với lao động nữ	số lần		
31.	Tổ chức chăm sóc sức khỏe đối với lao động nữ	số lần		
32.	Số lao động nữ được hưởng chế độ thai sản	người		
33.	Tổng số tiền hỗ trợ thai sản	triệu đồng		(Ngoài số tiền do BHXH chi trả)
34.	Tặng quà, trợ cấp cho nữ CNVCLĐ có hoàn cảnh khó khăn	người		
35.	Tặng quà cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó, học giỏi	số cháu		
36.	Khen thưởng cho các cháu học sinh giỏi	số cháu		
37.	Tổ chức các hoạt động cho thiếu niên, nhi đồng	số lần		
38.	Số người đạt danh hiệu "Giỏi việc nước, đảm việc nhà"	người		
39.	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động nữ	%		
VI. Công tác an sinh xã hội				
1. Quỹ tình nghĩa ngành Ngân hàng				
40.	- Số tiền vận động	triệu đồng		
	- Số tiền thực hiện	triệu đồng		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
41.	2. Quỹ xã hội công đoàn (do đoàn viên, NLD và các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ)			
	- Số tiền vận động	triệu đồng		
	- Số tiền thực hiện	triệu đồng		
42.	3. Công tác an sinh xã hội (Công đoàn và chuyên môn thực hiện)			
	- Số tiền thực hiện	tỷ đồng		
VII. Công tác kiểm tra				
43.	Số cuộc công đoàn tham gia kiểm tra việc thực hiện chính sách, chế độ theo quy định pháp luật	cuộc		
VIII. Công tác tổ chức				
44.	1. CNVCLĐ			
	Tổng số CNVCLĐ	người		
	Trong đó: + nữ	“		
45.	2. Đoàn viên công đoàn			
	Tổng số đoàn viên công đoàn	người		
	Trong đó: + nữ	“		
	Tổng số đoàn viên kết nạp mới	“		Chỉ tiêu NQ ĐH
	Tổng số đoàn viên giảm	“		
	Tổng số đoàn viên tăng (giảm) thực tế	“		
46.	3. Tổ chức bộ máy công đoàn			
	Số công đoàn cơ sở	CĐCS		
47.	4. Cán bộ công đoàn			
	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách	người		
	Trong đó: nữ	“		
	Tổng số cán bộ công đoàn không chuyên trách	“		
	Trong đó: nữ	“		
48.	5. Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	người		
	Tổng số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	“		
	Số đoàn viên công đoàn được giới thiệu cho tổ chức Đảng xem xét, kết nạp	người		Chỉ tiêu NQ ĐH
	Số đoàn viên công đoàn được kết nạp vào Đảng	“		
49.	6. Kết quả xếp loại công đoàn cơ sở			
	Số công đoàn cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	CĐCS		(Lấy số liệu năm trước kỳ báo cáo)

.....Ngày tháng năm 20

TM. BAN THƯỜNG VỤ

Đơn vị báo cáo :

MẪU SỐ 2-VP-CĐCS
(Dùng cho công đoàn cơ sở
trực thuộc Công đoàn NHVN)

BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

NĂM

(Số liệu tính đến ngày : 31/5 30/11)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Tình hình lao động				
	1. Lao động			
1.	Tổng số lao động	người		
2.	- Trong đó: nữ	"		
	2. Tiền lương			
3.	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động	triệu đồng		
4.	Tổng số tiền đơn vị còn nợ lương người lao động	triệu đồng		
	3. Nhà ở			
5.	Số người được nhà nước, cơ quan, đơn vị bố trí nhà ở	người		
6.	Số người phải tự thuê nhà ở	"		
	4. Thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp			
7.	Số lao động được ký hợp đồng lao động	người		
8.	Số lao động được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	người		
	5. Thỏa ước lao động tập thể			
9.	Đơn vị có thỏa ước lao động tập thể	có/không		
	6. Thực hiện quy chế dân chủ			
10.	Đơn vị đã tổ chức Hội nghị người lao động (hoặc) Hội nghị cán bộ, công chức	có/không		
11.	Đơn vị đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc với người lao động	"		
12.	Đơn vị đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở	"		
II. Chăm lo, bảo vệ lợi ích cho đoàn viên và người lao động				
13.	Số đoàn viên và người lao động có khó khăn được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	người		
	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	Triệu đồng		
14.	Số đoàn viên và người lao động được khám sức khỏe định kỳ	người		
15.	Số đoàn viên và người lao động bị xâm phạm về quyền, lợi ích được công đoàn cơ sở bảo vệ	người		
16.	Số đoàn viên và người lao động được tư vấn pháp luật	"		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
III. Công tác thi đua				
1. Sáng kiến				
17.	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến		
18.	Giá trị làm lợi	triệu đồng		
19.	Tiền thưởng sáng kiến	“		
2. Công trình, sản phẩm thi đua				
20.	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP		
21.	Giá trị công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	triệu đồng		
3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”				
22.	Số người đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”	người		
	- Trong đó : nữ	“		
IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục				
23.	Số đoàn viên, người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, NQ của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các nghị quyết của Công đoàn	người		
24.	Số đoàn viên, người lao động được tham gia hoạt động văn hoá, thể thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức	“		
25.	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	“		
26.	Số đoàn viên công đoàn ưu tú được công đoàn cơ sở giới thiệu cho tổ chức Đảng	người		
27.	Số đoàn viên công đoàn ưu tú được kết nạp vào Đảng	người		
V. Công tác nữ công				
28.	Tổ chức hoạt động chuyên đề về giới, hội thảo, tọa đàm về chế độ chính sách, pháp luật... đối với lao động nữ	số lần		
29.	Tổ chức chăm sóc sức khỏe đối với lao động nữ	số lần		
30.	Số lao động nữ được hưởng chế độ thai sản	người		
31.	Số tiền được hỗ trợ thai sản			(Ngoài số tiền do BHXH chi trả)
32.	Tặng quà, trợ cấp cho nữ CNVCLĐ có hoàn cảnh khó khăn	người		
33.	Tặng quà cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó, học giỏi	số cháu		
34.	Khen thưởng cho các cháu học sinh giỏi	số cháu		
35.	Tổ chức các hoạt động khác cho thiếu niên, nhi đồng	số lần		
36.	Số ủy viên Ban nữ công quần chúng	người		
VI. Công tác an sinh xã hội				
37.	1. Quỹ tình nghĩa ngành Ngân hàng			
	- Số tiền vận động	triệu đồng		
	- Số tiền thực hiện	triệu đồng		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
38.	2. Quỹ xã hội công đoàn (do đoàn viên, NLD và các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ)			
	- Số tiền vận động	triệu đồng		
	- Số tiền thực hiện	triệu đồng		
39.	3. Công tác an sinh xã hội (Công đoàn và chuyên môn thực hiện)			
	- Số tiền thực hiện	triệu đồng		
VII. Đoàn viên, cán bộ công đoàn				
40.	Tổng số đoàn viên công đoàn	người		
41.	- Trong đó : nữ	“		
42.	Số cán bộ công đoàn kiêm nhiệm	“		
43.	- Trong đó : nữ	“		

..... Ngày tháng năm 20....

TM. BAN CHẤP HÀNH

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH
CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ TRỞ LÊN NĂM 20.....**

Số TT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số hiện có	Trong đó				Chia theo ngành CC		Chia theo trình độ đào tạo												Chia theo độ tuổi									
			Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên môn			Chính trị			Tin học		Ngoại ngữ				Chứng chỉ tiếng dân tộc	QLNN		Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41-50	Từ 51- 60		Trên tuổi nghỉ hưu	
									Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Anh văn		Ngoại ngữ khác			CVCC và tương đương	CVC và tương đương				Tổng số	Trong đó:		
																	Đại học trở lên	Chứng chỉ (A,...)	Đại học trở lên	Chứng chỉ								Nữ từ 51- 55		Nam từ 56- 60
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
Tên Công đoàn Cấp trên trực tiếp cơ sở:.....																														
- Chủ tịch																														
- Phó Chủ tịch																														
Tổng:																														

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

TM. BAN THƯỜNG VỤ

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Thực hiện theo Điều 4 Luật Cán bộ, công chức (Chi báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch).

- Số liệu báo cáo tính đến 31/12 hàng năm.

- Thời điểm gửi báo cáo trước 25/2 năm sau.

....., ngày.....tháng.....năm 20....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH,
BAN THƯỜNG VỤ, BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN CÁC CẤP NĂM 20.....

TT	Đơn vị	Tổng số	Nữ	DT ít người	Đảng viên	Tham gia cấp ủy		Cán bộ CD chuyên trách	Cán bộ CD không chuyên trách	Trình độ Chuyên môn						Trình độ LL Chính trị			
						Cấp Tỉnh hoặc bộ, ngành TW	Cấp huyện hoặc tương đương			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Chưa qua ĐTạo	CC, CN	TC	SC	
I	CD cấp trên trực tiếp cơ sở																		
1.1	Chủ tịch																		
1.2	Phó Chủ tịch																		
1.3	Ban Thường vụ																		
1.4	Ban Chấp hành																		
II	Công đoàn cơ sở trực thuộc																		
2.1	Chủ tịch																		
2.2	Phó Chủ tịch																		
2.3	Ban Thường vụ																		
2.4	Ban Chấp hành																		

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (ký, ghi rõ họ tên)

TM. BAN THƯỜNG VỤ
 (ký tên, đóng dấu)

Biểu 01

BÁO CÁO
Thống kê định kỳ đoàn viên và công đoàn cơ sở
6 tháng đầu năm (hoặc năm) 20...

TT	Nội dung	ĐVT	Số liệu báo cáo	Ghi chú
I.	Tổng số lao động	<i>Người</i>		
1	Lao động nữ	”		
II.	Tổng số đơn vị trực thuộc	<i>Đơn vị</i>		
1	Số đơn vị từ 25 lao động trở lên có tổ chức Công đoàn	”		
2	Số đơn vị từ 10 - 24 lao động trở lên có tổ chức Công đoàn	”		
3	Số đơn vị, doanh nghiệp có vốn liên doanh nước ngoài có tổ chức công đoàn	”		
4	Số đơn vị chưa có tổ chức công đoàn	”		
III.	Tổng số đoàn viên công đoàn	<i>Người</i>		
1.	Đoàn viên Nữ	”		
2.	Cán bộ công đoàn chuyên trách tại công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.	”		
3	Cán bộ chuyên trách tại CĐCS trực thuộc đơn vị	”		
IV	Tổng số CĐCS trực thuộc	<i>Đơn vị</i>		

Biểu 02

BÁO CÁO SỐ LIỆU CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG
(Dành cho báo cáo cuối năm)

TT	Nội dung	Năm 20...
1.	Số đoàn viên ưu tú giới thiệu cho Đảng	
2.	Số đoàn viên ưu tú được kết nạp Đảng	

TM.BAN THƯỜNG VỤ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - *Biểu 02 chỉ thống kê với báo cáo năm*
- *Báo cáo 6 tháng chốt số liệu đến 30/5 và gửi về CĐNH trước 10/6 năm BC*
- *Báo cáo năm chốt số liệu đến 30/11 và gửi về CĐNH trước 10/12 năm BC*

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY, BIÊN CHẾ LAO ĐỘNG
(Số liệu tính đến 31/12/20.....)

TT	Đơn vị	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách	Trong đó		Tổng số lãnh đạo	Trong đó		Hương lương	
			Biên chế	Hợp đồng		Cấp trưởng	Cấp phó	Nguồn tài chính chuyên môn	Nguồn tài chính công đoàn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tên đơn vị...								
	- Tại công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở								
	- Tại công đoàn cơ sở trực thuộc								

*** Lưu ý:**

- Mục (7): Đối tượng gồm Chủ tịch, Trưởng ban, Trưởng phòng...
- Mục (8): Đối tượng gồm Phó Chủ tịch, Phó ban, Phó phòng...

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH**

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN NĂM.....

Đào tạo (Tổng số người)				Tập huấn bồi dưỡng (Tổng số lượt người)		Bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước/hoặc tương đương (Tổng số lượt người)			Bổ trợ kiến thức khác (Tổng số lượt người)				Kinh phí (1.000đ)			
Chuyên môn		Lý luận chính trị		Lý luận và nghiệp vụ Công đoàn (Đại học phần CĐ)	Cán bộ CĐ chuyên trách	Cán bộ CĐ không chuyên trách	Chương trình Chuyên viên cao cấp	Chương trình Chuyên viên chính	Chương trình Chuyên viên	Ngoại ngữ	Tin học	Quốc phòng an ninh	NVCM khác	Nguồn quỹ công đoàn	Tỷ lệ % (KP chi cho ĐT, BD/KP chi hoạt động công đoàn)	Nguồn chuyên môn
Đại học/ Cao đẳng	Thạc sĩ/ Tiến sĩ	Trung cấp	Cử nhân Cao cấp													

Người lập bảng

TM.BAN THƯỜNG VỤ/BAN CHẤP HÀNH

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN NĂM

Đào tạo (Tổng số người)				Tập huấn bồi dưỡng (Tổng số lượt người)		Bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước/hoặc tương đương (Tổng số lượt người)			Bổ trợ kiến thức khác (Tổng số lượt người)				Kinh phí (1.000đ)			
Chuyên môn		Lý luận chính trị		Lý luận và nghiệp vụ Công đoàn (Đại học phần CĐ)	Cán bộ CĐ chuyên trách	Cán bộ CĐ không chuyên trách	Chương trình Chuyên viên cao cấp	Chương trình Chuyên viên chính	Chương trình Chuyên viên	Ngoại ngữ	Tin học	Quốc phòng an ninh	NVCM khác	Nguồn quỹ công đoàn	Tỷ lệ % (KP chi cho ĐT, BD/KP chi hoạt động công đoàn)	Nguồn chuyên môn
Đại học/ Cao đẳng	Thạc sĩ/ Tiến sĩ	Trung cấp	Cử nhân Cao cấp													

Người lập bảng

TM.BAN THƯỜNG VỤ/BAN CHẤP HÀNH

CÔNG ĐOÀN NGÂN HÀNG VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH,
BAN THƯỜNG VỤ, BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN CÁC CẤP NĂM 20.....

TT	Đơn vị	Tổng số	Nữ	DT ít người	Đảng viên	Tham gia cấp ủy		Cán bộ CĐ chuyên trách	Cán bộ CĐ không chuyên trách	Trình độ Chuyên môn						Trình độ LL Chính trị		
						Cấp Tỉnh hoặc bộ, ngành TW	Cấp huyện hoặc tương đương			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Chưa qua ĐTạo	CC, CN	TC	SC
I	Tên CĐCS																	
1.1	Chủ tịch																	
1.2	Phó Chủ tịch																	
1.3	Ban Thường vụ																	
1.4	Ban Chấp hành																	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

TM. BAN THƯỜNG VỤ
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 01

BÁO CÁO
Thống kê định kỳ đoàn viên và công đoàn cơ sở
6 tháng đầu năm (hoặc năm) 20...

TT	Nội dung	ĐVT	Số liệu báo cáo	Ghi chú
I.	Tổng số CNVCLĐ	<i>Người</i>		
	Trong đó: Số nữ CNVCLĐ	”		
II.	Tổng số đoàn viên công đoàn	<i>Người</i>		
1.	Đoàn viên Nữ	”		

Biểu 02

BÁO CÁO SỐ LIỆU CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG
(Dùng cho báo cáo năm)

TT	Nội dung	Năm 20..
1.	Số đoàn viên ưu tú giới thiệu cho Đảng	
2.	Số đoàn viên ưu tú được kết nạp Đảng	

TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH